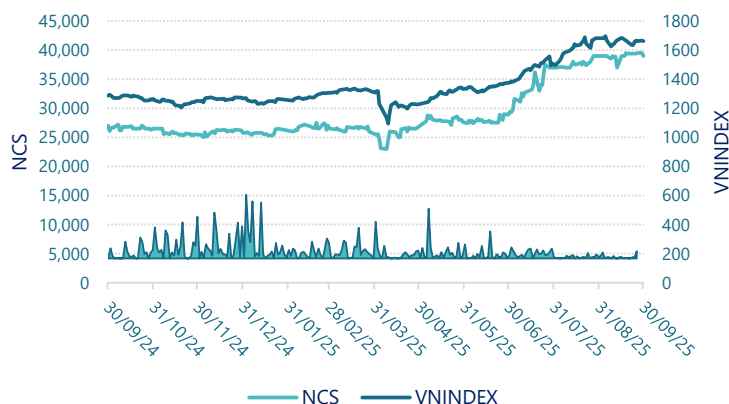


CTCP Suất ăn Hàng không Nội Bài (UPCOM: NCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	39,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	39,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	23,000
SL cổ phiếu LH	17,948,210
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,765
% sở hữu nước ngoài	5.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	700
P/E	10.8
EPS	3,609

DT thuần

Q3/25

229

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.0 | 13.3%

YoY: ▲ 31.0 | 15.6%

LN sau thuế

Q3/25

17.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.40 | -2.0%

YoY: ▲ 2.50 | 17.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

10.5%

+/- YoY: ▼ 0.6%

DT thuần

9T 2025

638

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 100 | 18.6%

LN sau thuế

9T 2025

52.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.1 | 24.0%

ROE

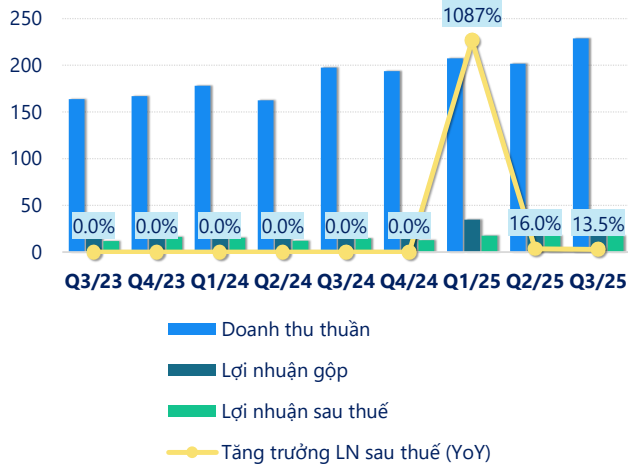
Q3/25

32.3%

+/- YoY: ▼ 8.9%

tỷ VNĐ

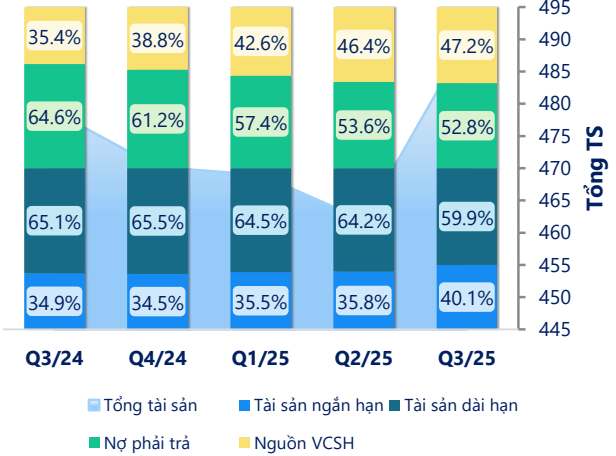
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

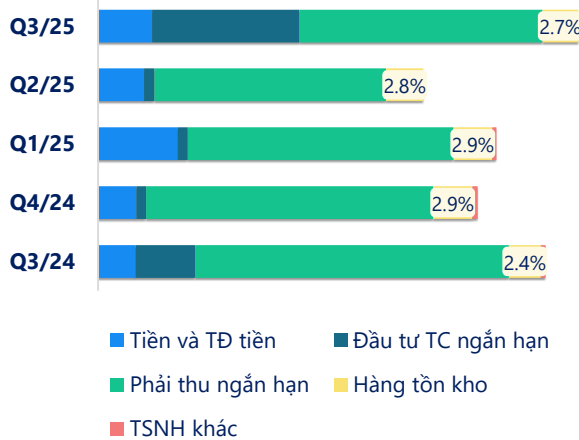
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



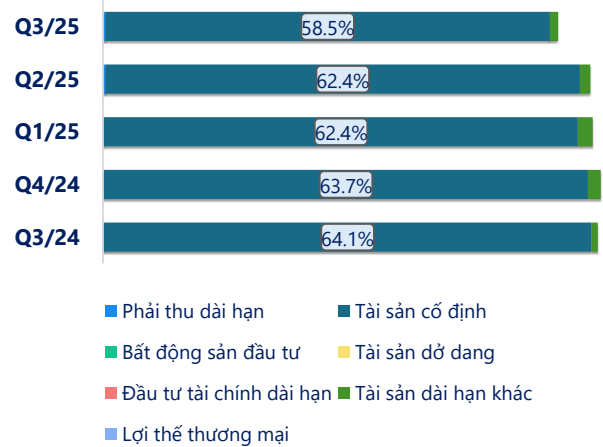
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

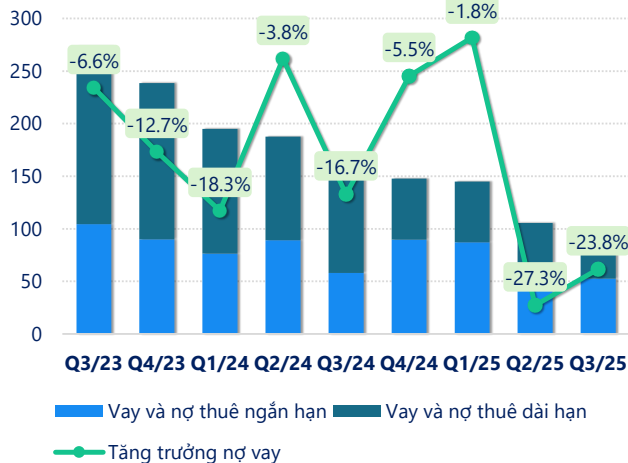
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

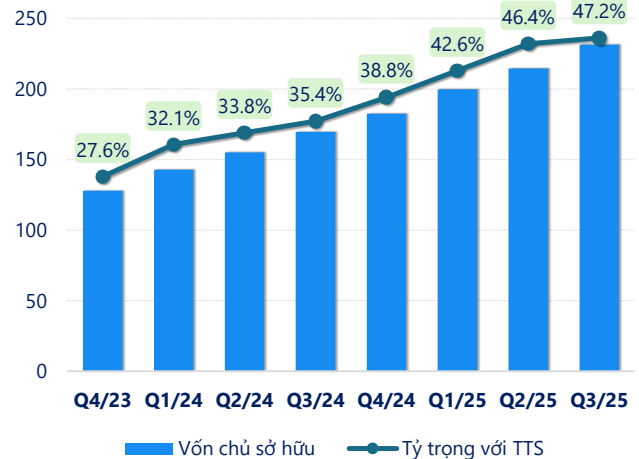
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

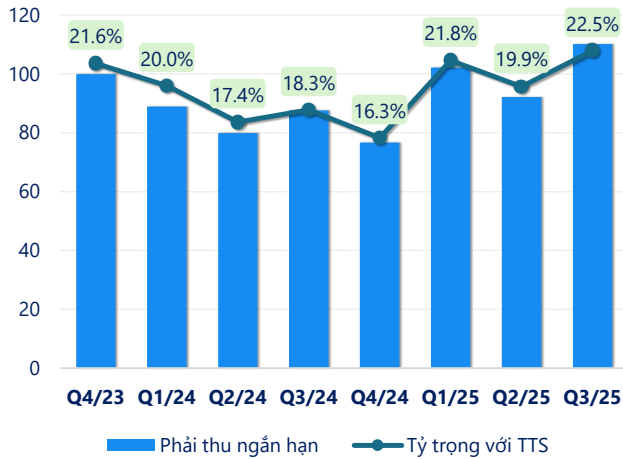
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

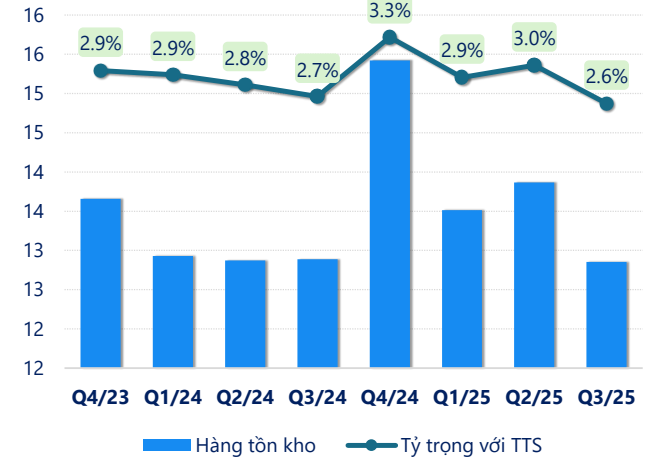
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

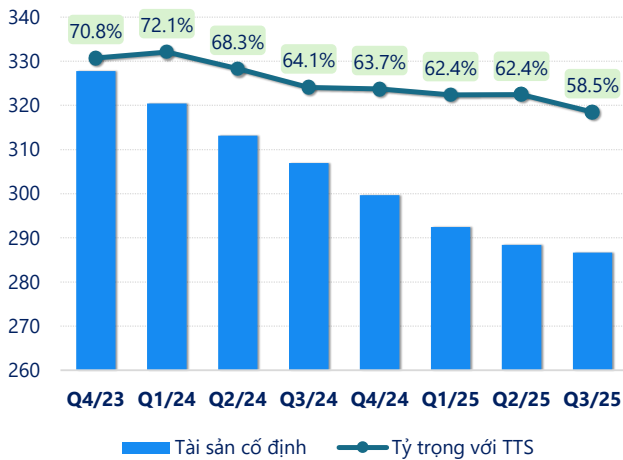
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

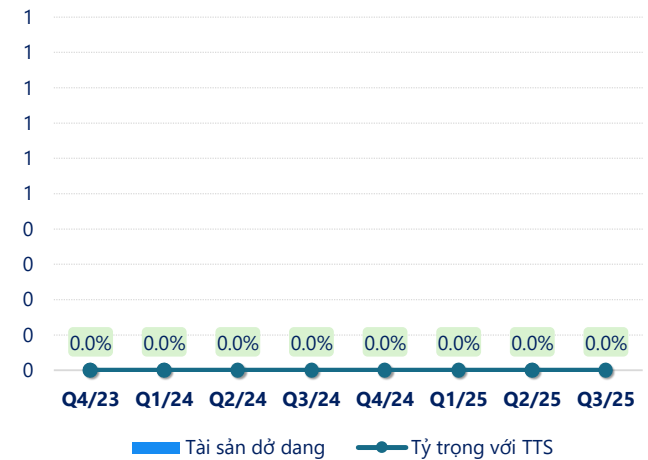
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

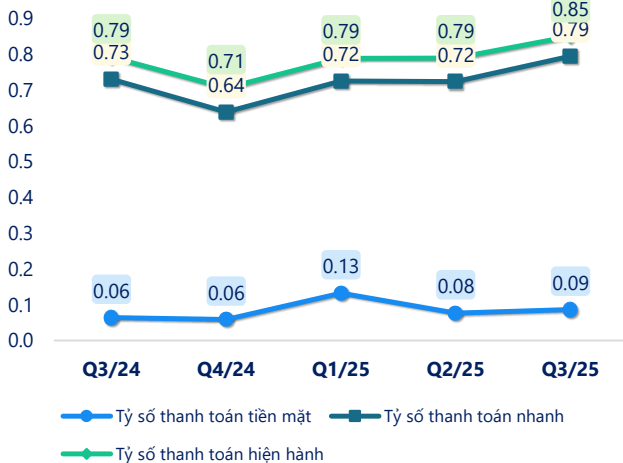
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



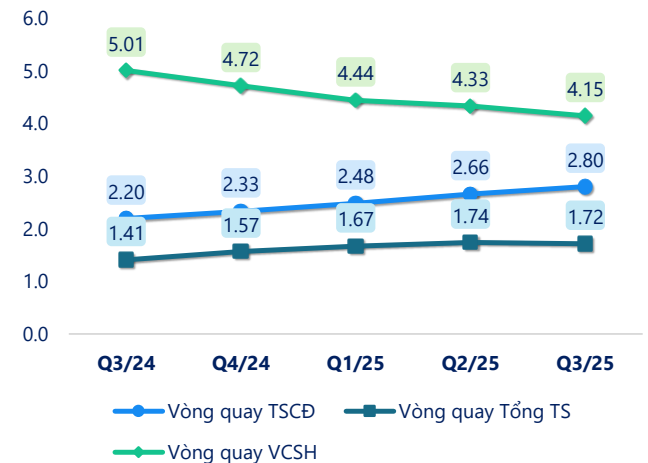
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	479	470	469	462	490
Tài sản ngắn hạn	167	162	167	166	196
Tiền và tương đương tiền	13.5	13.5	27.9	16.0	20.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	53.0	53.0	23.0	43.0	53.0
Phải thu ngắn hạn	87.6	76.6	102	92.1	110
Hàng tồn kho	12.9	15.4	13.5	13.9	12.9
Tài sản ngắn hạn khác	0	3.60	0	0.62	0.39
Tài sản dài hạn	312	308	302	296	294
Phải thu dài hạn	0.72	0.56	0.73	1.60	1.60
Tài sản cố định	307	300	292	288	287
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.21	7.77	9.17	6.33	5.44
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	309	288	269	248	258
Nợ ngắn hạn	211	230	211	210	231
Vay và nợ thuê ngắn hạn	57.9	89.8	87.1	67.7	52.7
Phải trả người bán ngắn hạn	58.5	73.2	55.4	58.9	67.3
Nợ dài hạn	98.3	57.9	57.9	37.7	27.6
Vay và nợ thuê dài hạn	98.3	57.9	57.9	37.7	27.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	170	183	200	214	232
Vốn chủ sở hữu	170	183	200	214	232
Vốn điều lệ	179	179	179	179	179
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)